

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4893/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2052/TTr-SGTVT ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn; kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 2051/SGTVT-TĐKHKT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải, kèm theo hồ sơ và Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Quan Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn; với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a).

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn để từng bước hoàn thiện hệ thống

giao thông trong vùng, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo trong khu vực.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư, nâng cấp 6.063m đường giao thông đảm bảo quy mô đường GTNT cấp B theo TCVN 10380:2014 (nâng cấp, cải tạo 5.024m và giữ nguyên 1.039m đường hiện trạng có quy mô tương đương); điểm đầu giao với đường Quốc lộ 217 tại Km159+730; điểm cuối Km6+063 tại ngã ba cuối bản Sủa, xã Sơn Điện; chiều rộng nền đường $B_n=5\text{m}$, mặt đường $B_m=3,5\text{m}$, lề đất $B_{ld}=2\times 0,75=1,5\text{m}$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$; mặt đường bằng bê tông xi măng và láng nhựa; tần suất thiết kế $P=4\%$ đối với nền đường, cống và $P=1\%$ đối với cầu; tải trọng thiết kế H30-XB80 đối với cống, HL93 và người đi bộ $3\times 10^{-3}\text{MPa}$ đối với cầu.

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Bình đồ: Tuyến cơ bản đi trùng với đường cũ, cải tạo một số đường cong nằm hiện trạng để đảm bảo bán kính tối thiểu theo tiêu chuẩn thiết kế; toàn tuyến có 86 đỉnh đường cong nằm, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min}=15\text{m}$.

b) Trắc dọc: Thiết kế trên cơ sở tận dụng nền đường hiện trạng; cải tạo cục bộ trắc dọc một số đoạn để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường, tần suất thủy văn, cao độ không chế tại cống, cầu, nút giao; độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max}=12\%$.

c) Mặt cắt ngang

- Chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; chiều rộng lề đất $B_{ld}=2\times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường bê tông $i_m=2\%$, mặt đường láng nhựa $i_m=3\%$, lề đường $i_{le}=4\%$; độ dốc siêu cao lớn nhất $i_{sc\max}=5\%$.

- Đối với các đoạn tuyến nằm trong đường cong nằm có bán kính nhỏ hơn 50m, mở rộng mặt đường phần xe chạy theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014.

d) Mặt đường

- Đoạn từ Km0+00 - Km1+500, Km2+800 - Km3+464: Mặt đường bằng bê tông xi măng M300 dày 24cm, trên 01 lớp ni lông chống mất nước và lớp móng đường bằng cấp phối đá dăm loại II dày 15cm; mặt đường có bố trí khe co và khe dẫn. Đối với các đoạn nền đường đá, không bố trí lớp móng đường.

- Đoạn từ Km1+500 - Km2+800, Km3+464 - Km4+592, Km5+631 - Km6+063 thiết kế mặt đường láng nhựa, đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc}\geq 91\text{MPa}$; gồm: Mặt đường láng nhựa 02 lớp, tiêu chuẩn nhựa $3,0\text{Kg/m}^2$ dày 2,5cm; móng trên bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6)cm chèn đá dăm dày 15cm; móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 15cm.

e) Nền đường

- Đối với nền đường đắp: Đắp bằng đất với độ chặt $K\geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5; mái ta luy được gia cố bằng trồng cỏ.

- Đối với nền đường đào: Đối với nền đá, mái ta luy đào từ 1/0,3-1/0,75; đối với nền đất mái taluy đào 1/1; những đoạn chiều cao mái taluy lớn hơn 10m đối với đất và 12m đối với đá thiết kế giằng cấp để giảm tải; lớp đất sát đáy áo đường được xáo xới, đầm lèn đảm bảo độ chặt $K\geq 0,95$.

f) Nút giao: Tuyến có 01 nút giao ngã ba đầu tuyến với đường Quốc lộ 217 tại Km159+730 được thiết kế giao bằng, mở rộng các nhánh rẽ với bán kính $R \geq 8m$ và vuốt nối vào đường hiện trạng.

g) Đường ngang: Tuyến có 05 đường ngang dân sinh được thiết kế vuốt nối đảm bảo êm thuận; chiều dài vuốt nối đảm bảo độ dốc dọc nhỏ hơn 6%; mặt đường vuốt nối bằng bê tông xi măng M300.

h) Điểm tránh xe: Bố trí trung bình 500m/01 điểm tránh xe, chiều dài đoạn tránh xe bao gồm cả đoạn vuốt nối là 15m, chiều rộng mặt đường tại điểm tránh xe 6,5m; toàn tuyến có 10 điểm tránh xe có kết cấu mặt giống mặt đường.

i) Thoát nước mặt đường: Bằng chảy tỏa và hệ thống rãnh dọc.

- Đối với những đoạn nền đường đào đất: Rãnh dọc dạng hờ hình thang kích thước $(40+120) \times 40cm$; các đoạn có độ dốc dọc $\geq 6\%$ và qua khu đông dân cư, rãnh được gia cố bằng bê tông xi măng M150; đồng thời phần lề đất được gia cố giống kết cấu áo đường đến mép rãnh.

- Đối với những đoạn nền đường đào đá: Rãnh hờ hình tam giác, kích thước rộng 80cm, sâu 40cm.

k) Công trình thoát nước ngang: Toàn dự án có 22 công trình thoát nước ngang các loại; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép; cụ thể:

- Giữ nguyên 01 tràn liên hợp cống bản $B=5,4m$ tại Km3+307,6 và 01 tràn liên hợp cống bản $B=4m$ tại Km0+305,8 chỉ sửa chữa các hư hỏng mặt, mái tràn; giữ 04 cống bản (03 cống $B=1,0m$; 01 cống $B=3,4m$); giữ nguyên, nối 01 cống bản $B=1,0m$; xây dựng mới 15 cống thoát nước các loại (05 cống bản $B=1,0m$; 05 cống bản $B=1,5m$; 04 cống bản $B=2,4m$; 01 cống bản $B=3,4m$).

6. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thanh Hoa.

7. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Phạm Đức Thịnh.

8. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn.

9. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 7,3 ha.

10. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

11. Tổng mức đầu tư trình phê duyệt: **54.899.474.000 đồng.**

(Năm mươi tư tỷ, tám trăm chín mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB	: 1.482.687.000 đồng.
- Chi phí xây dựng	: 41.603.861.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	: 882.380.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 4.354.714.000 đồng.
- Chi phí khác	: 497.589.000 đồng.
- Chi phí dự phòng	: 6.078.243.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn

2021 - 2025 (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ) bố trí đảm bảo 90% TMĐT.

- Vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện Quan Sơn và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm nhận 10% TMĐT dự án.

13. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

14. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 3 năm (2019 - 2021).

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

16. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 2051/SGTVT-TĐKHKT ngày 26 tháng 5 năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, VX_{30a63}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Dự toán chi tiết	1.482.687.000
II	Chi phí xây dựng	Dự toán chi tiết	41.603.861.000
III	Chi phí quản lý dự án	37.821.691.818 x 2,333%	882.380.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		4.354.714.000
1	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn	1.205.315.000
2	Chi phí khảo sát bước bản vẽ thi công	(Tạm tính)	950.000.000
3	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	(Tạm tính)	200.000.000
4	Chi phí thiết kế bước BVTC	37.821.691.818 x1,1x 1,153%	479.693.000
5	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	37.821.691.818 x1,1x 0,127%	52.837.000
6	Thẩm tra dự toán xây dựng công trình	37.821.691.818 x1,1x 0,121%	50.341.000
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp và bảo hiểm công trình	37.916.246.364 x1,1x 0,186%	77.577.000
8	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, giám sát công tác khảo sát bước lập BCNCKT	Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	70.071.000
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu Tư vấn đầu tư xây dựng	3.873.440.000 x1,1x 0,549%	23.392.000
10	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	863.636.364 x1,1x 4,072%	38.684.000
11	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC các gói thầu	45.581.311.000 x 0,100%	45.581.000
12	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	45.581.311.000 x 0,050%	22.791.000
13	Chi phí giám sát thi công xây dựng	37.821.691.818 x1,1x 2,496%	1.038.432.000
14	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	(Tạm tính)	100.000.000
V	Chi phí khác		497.589.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	54.899.474.000 x 0,272%	149.327.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	37.821.691.818 x1,1x 0,250%	104.010.000
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	37.821.691.818 x 0,085%	32.148.000
4	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	37.821.691.818 x 0,081%	30.636.000
5	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	54.899.474.000 x 0,015%	8.235.000
6	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (tạm tính)	7,30 ha x 19,5 triệu/ha	142.350.000
7	Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	882.380.000 x 3,50%	30.883.000
VI	Chi phí dự phòng		6.078.243.000
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh	48.821.231.000 x 10,00%	4.882.123.000
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	48.821.231.000 x 2,45%	1.196.120.000
TỔNG CỘNG		(I+II+III+IV+V+VI)	54.899.474.000